

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
– CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Giấy đăng ký kinh doanh số 0102276173 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 07 năm 2018)



TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP

Trụ sở chính: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 22210 288

Fax: (024) 22210 388

Website: <http://pvpower.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người đại diện theo PL: Ông Nguyễn Xuân Hòa

Chức vụ: Tổng giám đốc

Người được UQ CBTT: Ông Nguyễn Ngọc Hà

Chức vụ: Trưởng ban Pháp chế - QHCD

Điện thoại: (024) 2221 0288


Fax: (024) 2221 0388

Tháng 8 năm 2018

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	6
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	9
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	9
5. Hoạt động kinh doanh.....	16
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất.....	28
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	29
8. Chính sách với người lao động	29
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động	34
8.2. Chính sách đối với người lao động	35
9. Chính sách cổ tức.....	37
10. Tình hình tài chính.....	37
10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	37
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	40
11. Tài sản.....	40
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm tiếp theo.....	42
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty	45
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	45
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	46
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	46
1. Hội đồng quản trị	46
2. Ban Kiểm soát.....	57
3. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.....	61
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	69

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu chung**

Tên tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	PETROVIETNAM POWER CORPORATION
Tên viết tắt:	PV POWER
Trụ sở:	Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ đăng ký:	23.418.716.000.000 đồng (Hai mươi ba nghìn bốn trăm mười tám tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	23.418.716.000.000 đồng (Hai mươi ba nghìn bốn trăm mười tám tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng)
Điện thoại:	(024) 22210 288
Fax:	(024) 22210 388
Website:	http://www.pvpower.vn
Logo:	

Người đại diện pháp luật:	Nguyễn Xuân Hòa
Giấy đăng ký kinh doanh:	Số 0102276173 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 31/05/2007, đăng ký lần thứ 13 ngày 01/07/2018.
Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty:	Sản xuất và kinh doanh điện; nhập khẩu, kinh doanh và phân phối than đảm bảo nguồn cung cấp cho các NMNĐ; sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng đồng thời cung cấp vật tư, thiết bị thay thế cho các nhà máy điện.

1.2. Giới thiệu về cổ phiếu Tổng công ty

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	POW
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành: 2.341.871.600 cổ phần

Tổng giá trị (theo mệnh giá) : 23.418.716.000.000 đồng

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

Tại thời điểm ngày 07/06/2018, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Tổng công ty là 303.995.307 cổ phần – tương ứng 12,98% vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam có tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

Đến ngày 26/6/2018, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ 01/7/2018 (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018). Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như sau:

- Ngày 17/05/2007: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 1468/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Tháng 12/2007: Tổng công ty ra mắt 5 đơn vị thành viên mới, bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Dự án PMC1, PMC2, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land).
- Tháng 03/2008: Khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- Tháng 12/2008: Ký kết hợp đồng mua bán điện Nhà máy Cà Mau 1&2, Nhà máy Nhơn Trạch 1 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

- Tháng 06/2009: Khởi công xây dựng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 – nhà máy điện khí có quy mô lớn tại Trung tâm điện lực Nhơn Trạch.
- Tháng 08/2009: Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.
- Tháng 11/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy Phong điện Phú Quý, dự án năng lượng tái tạo đầu tiên của Tổng công ty.
- Tháng 12/2010: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hòa lưới điện quốc gia.
- Tháng 01/2011: Khởi công Dự án Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh.
- Tháng 11/2011 tổ chức khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba.
- Tháng 4/2013: Thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí (PV Power Coal) trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Chi nhánh – Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí (PV Coal) từ Tập đoàn.
- Tháng 09/2013: Khánh thành và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- Năm 2014: Vận hành Thương mại Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh.
- Tháng 11/2014: Thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV Power Ha Tinh) để tiếp nhận và vận hành thuê Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 cho Tập đoàn, đồng thời thực hiện giải thể Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1.
- Tháng 12/2015: Hoàn thành bàn giao Nhà máy Phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam (công ty con của EVN).
- Tháng 12/2015: Nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, là nhà máy Nhiệt điện Than đầu tiên của Việt Nam được vận hành với tổng công suất 1.200 MW từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tháng 1/2017: Hoàn thiện các thủ tục thành lập Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí – Ban Chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí sau khi được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận, với mục tiêu tập trung chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng các dự án điện khí mới.
- Ngày 08/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1977/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- Ngày 31/01/2018, Tổng công ty đã thực hiện bán đấu giá công khai thành công 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ) với giá khởi điểm 14.400 đồng/cổ phần. Giá đặt mua cao nhất: 28.000 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 14.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 14.938 đồng/cổ phần.

- Ngày 26/06/2018, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và Tổng công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 07 năm 2018*) với vốn điều lệ 23.418.716.000.000 đồng.

1.4. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là CTCP cho đến nay Tổng công ty không tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại là 23.418.716.000.000 đồng.

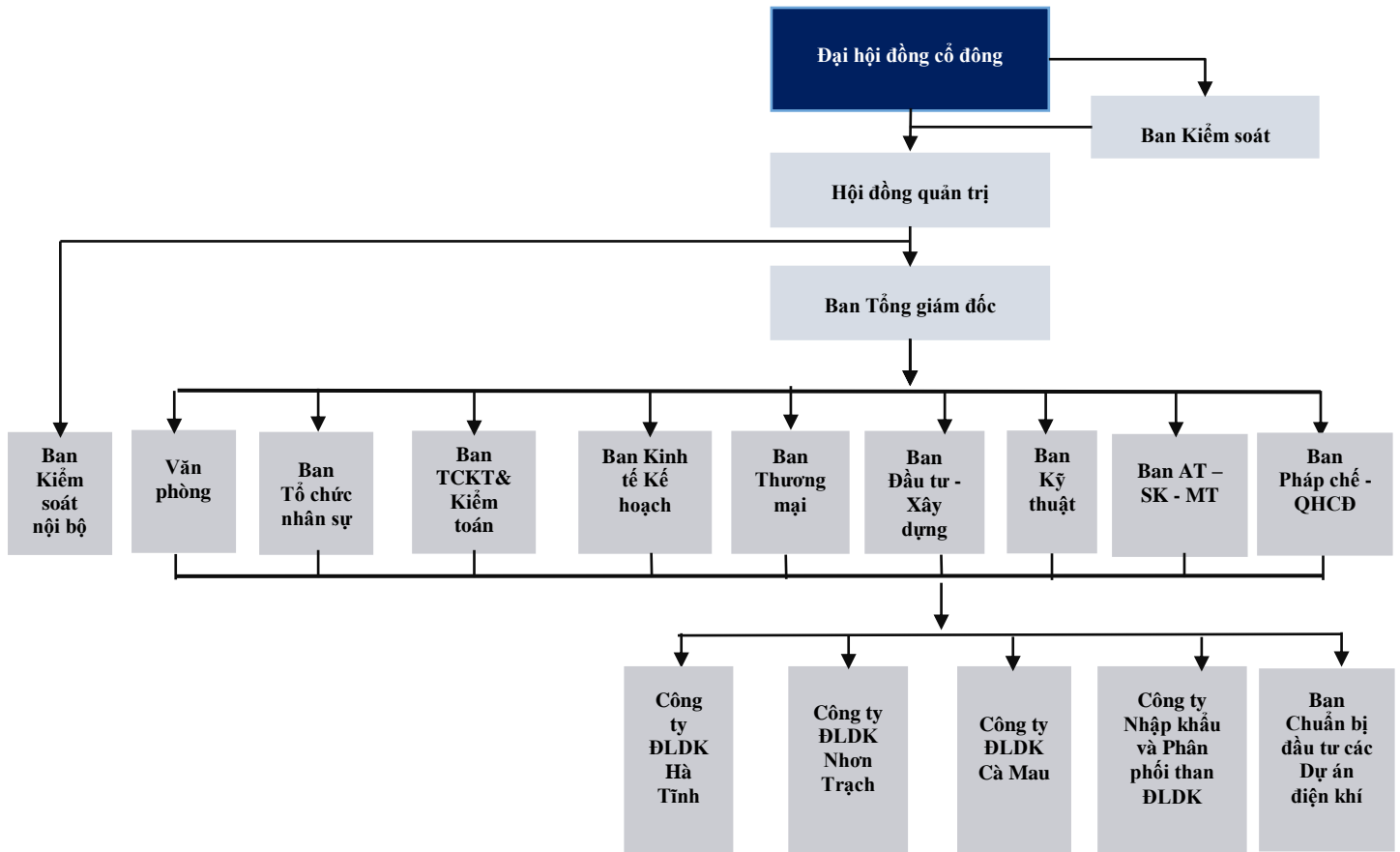
2. Cơ cấu tổ chức Tổng công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của PV Power như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu;
- Tổng giám đốc (TGD): là người đại diện theo pháp luật của PV Power;
- Các Phó tổng giám đốc (PTGD): Các Phó tổng giám đốc (PTGD): giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, xử lý các công tác trong lĩnh vực được phân công trừ các công việc do Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo. Các Phó Tổng giám đốc sử dụng quyền hạn của Tổng giám đốc để giải quyết các công việc thuộc phạm vi được phân công và ủy quyền.

Mô hình tổ chức quản lý và kinh doanh của PV Power như sau:

Hình: Mô hình tổ chức Tổng công ty



- Các Ban/Văn phòng: Gồm Ban Kiểm soát nội bộ, Văn phòng và 08 ban chuyên môn:
- **Ban kiểm soát nội bộ:** Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành trong Tổng công ty, giúp Hội đồng quản trị kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, vi phạm, rủi ro, kém hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- **Văn phòng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác Hành chính - quản trị; Thư ký - tổng hợp; Văn thư - lưu trữ; Công tác quan hệ công chúng (PR) - phát triển thương hiệu - văn hóa doanh nghiệp; Công tác đối ngoại và quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước; Công tác an sinh xã hội; Quản lý công tác an ninh, quốc phòng, bảo mật của cơ quan Tổng công ty.
- **Ban Tổ chức nhân sự:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác tổ chức, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cán bộ; Công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách; Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Công tác thi đua khen thưởng.
- **Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác tài chính, kế toán và kiểm toán của toàn Tổng công ty.

- **Ban Kinh tế Kế hoạch:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác kế hoạch, thống kê; Công tác lập tổng dự toán cho các kỳ sửa chữa định kỳ của các Nhà máy điện; Công tác đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án do Tổng công ty làm chủ đầu tư/chủ quản đầu tư; Các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu đầu vào (khí, dầu, than), tiêu thụ tro xỉ; Theo dõi tổng hợp, đánh giá báo cáo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.
- **Ban Thương mại:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác thương mại (không bao gồm lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, tiêu thụ tro xỉ), thị trường, xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ của Tổng công ty.
- **Ban Đầu tư – Xây dựng:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác đầu tư; Công tác xây dựng; Công tác thoái vốn của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.
- **Ban Kỹ thuật:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện; Kỹ thuật công nghệ các dự án; Nghiên cứu khoa học - công nghệ, thiết bị và công nghệ thông tin của Tổng công ty.
- **Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác an toàn, sức khỏe, môi trường trong toàn Tổng công ty; Công tác bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy điện và dự án đầu tư của Tổng công ty.
- **Ban Pháp chế - Quan hệ cổ đông:** Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác Pháp chế; Công tác quản lý cổ đông; Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng.
 - Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (05 chi nhánh):
 - Chi nhánh TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
 - Chi nhánh TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
 - Chi nhánh TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
 - Chi nhánh TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP - Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí;
 - Chi nhánh TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí.
 - Các Công ty con (06 Công ty con): Trình bày tại mục 4 phần I.
 - Các Công ty liên kết (02 Công ty liên kết): Trình bày tại mục 4 phần I.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

📌 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt trên sổ cổ đông ngày 07/06/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	6.233	2.037.876.293	87,02%
1	Tổ chức	48	1.947.300.974	83,15%
2	Cá nhân	6.185	90.575.319	3,87%
II	Cổ đông nước ngoài	149	303.995.307	12,98%
1	Tổ chức	80	3.094.804	0,13%
2	Cá nhân	69	300.900.503	12,85%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0,00%
	Tổng cộng	6.382	2.341.871.600	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 07/06/2018 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

📌 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty ngày 07/06/2018

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, HN	1.872.141.477	79,94%
Tổng cộng				1.872.141.477	79,94%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 07/06/2018 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

📌 Cổ đông sáng lập: Không có

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

📌 Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, HN	1.872.141.477	79,94%
Tổng cộng				1.872.141.477	79,94%

✚ Công ty con của Công ty đại chúng (công ty đại chúng nắm giữ từ 51% tỷ lệ vốn góp):

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Sản xuất kinh doanh điện năng	Áp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	2.878.760	1.709.261	59,37%
2	Công ty CP Thủy điện ĐakDrink	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	1.020.690	967.876	94,83%
3	Công ty CP Thủy điện Hòa Na	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	2.256.592	1.898.727	84,14%
4	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa NMD	Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	150.000	76.500	51%
5	Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Sản xuất kinh doanh điện năng	Huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	86.423	81.436	94,23%
6	Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị và phụ tùng thay thế	Số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	386.386	199.314	51,58%

✚ Công ty liên kết mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có.

✚ Công ty liên kết mà công ty đại chúng nắm giữ từ 30% đến dưới 51% tỷ lệ vốn góp):

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sản xuất kinh doanh điện năng	Tiểu khu 5, Xã Ít Ong, Huyện Mường La, Sơn La	951.250	292.250	30,72%
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Hồng	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	Thôn 6, Phong Dụ Thượng, Văn Yên, Yên Bái	74.625,72	32.887,5	44,07%

✚ Thông tin khác: Thông tin các nhà máy điện đang vận hành

i) Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2

- Địa điểm: tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Đơn vị quản lý: Chi nhánh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty điện lực dầu khí Cà Mau.
- Công nghệ: nhiệt điện khí chu trình hỗn hợp sử dụng công nghệ mới, hiện đại hàng đầu thế giới do Tập đoàn Siemens CHLB Đức sản xuất. Mỗi nhà máy có cấu hình 2-2-1, (2 tua bin khí thể hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang, tuần hoàn tự nhiên, 3 cấp áp lực có tái sấy, 1 tuabin hơi).
- Nhiên liệu chính cung cấp cho nhà máy là khí thiên nhiên lấy từ hệ thống khí PM3 – CAA và Lô 46 Cái Nước với mức tiêu thụ khoảng 6 triệu m³/ngày và nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
- Tổng công suất: 1.500 MW (750 MW x 2)
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 20 năm (kể từ khi đi vào vận hành thương mại).
- Nhà máy Điện Cà Mau 1, chính thức phát điện lên lưới Quốc gia ngày 04/04/2007, vận hành

thương mại tháng 3/2008.

- Nhà máy Điện Cà Mau 2, chính thức phát điện lên lưới Quốc gia vào tháng 08/2008, vận hành thương mại tháng 12/2008.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được miễn trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 6 PV Power áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

ii) Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1

- Địa điểm: tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị quản lý: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Công nghệ: sử dụng nhiên liệu chính là khí tự nhiên, nguồn khí cung cấp từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn, nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Nhà máy có cấu hình 2-2-1 (2 Turbine khí - 2 lò thu hồi nhiệt - 1 Turbine hơi), đấu nối với 4 đường xuất tuyến 220KV: đi Phú Mỹ mạch 1&2, đi Cai Lậy và đi Mỹ Tho mạch 2.
- Công suất: 450 MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại hoặc ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.
- Các tổ máy GT11, GT12, ST18 và chu trình hỗn hợp lần lượt hòa lưới điện quốc gia vào tháng 05/2008, 07/2008, 04/2009 và 08/2009.
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chính thức vận hành thương mại chu trình đơn vào ngày 30/6/2008 và chính thức đi vào vận hành chu trình hỗn hợp vào ngày 22/8/2009.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất đang áp dụng 20%. Miễn thuế 02 năm kể từ năm 2010. Giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2012.

iii) Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2

- **Địa điểm:** khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Công nghệ: Là nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng công nghệ tuabin khí thể hệ F, là công nghệ tiên tiến trên thế giới hiện nay, có hiệu suất cao và rất thân thiện với môi

trường. Nhà máy có cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tuabin khí thể hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang tuần hoàn tự nhiên ba cấp áp lực có tái sấy và 1 tuabin hơi ba cấp áp lực phù hợp với công nghệ thiết kế của lò thu hồi nhiệt.

Toàn bộ nhà máy được vận hành tự động trên hệ thống điều khiển SPPA-T3000, đây là hệ thống điều khiển tiên tiến nhất của Tập đoàn Siemens – Đức. Tính đến thời điểm hiện tại, trong số các nhà máy điện tương tự tại Việt Nam chỉ duy nhất nhà máy điện Nhơn Trạch 2 áp dụng công nghệ tiên tiến này.

- Nhiên liệu chính để vận hành nhà máy là khí thiên nhiên (khoảng 3 triệu m³/ngày đêm) và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Trong quá trình vận hành nếu có sự cố về việc cung cấp nhiên liệu khí thì nhà máy sẽ tự động chuyển sang vận hành bằng nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
- Tổng công suất: 750 MW.

Hàng năm nhà máy cung cấp cho lưới điện quốc gia sản lượng điện trung bình khoảng 5 tỷ kWh thông qua sân phân phối 220 kV, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ nơi có phụ tải cao nhất cả nước.

- Thông tin về PPA đã ký hợp đồng mua bán điện chính thức với công ty mua bán điện EPTC với thời hạn 10 năm.
- Vận hành thương mại: tháng 10/2011.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Từ năm 2011 – 2014, PV Power NT2 được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp và sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 4 NMD Nhơn Trạch 2 áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

iv) Nhà máy Thủy điện Nậm Cứt

- Địa điểm: xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn.
- Công suất: 3,2MW, hàng năm cung cấp lên hệ thống điện quốc gia khoảng 13 triệu kWh, giải quyết tới 1/3 nhu cầu tiêu thụ điện và đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng công nghiệp của tỉnh Bắc Kạn.

- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền Bắc thời hạn 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.
- Dự án được khởi công vào tháng 4/2011, đã đi vào vận hành, hoàn thành công tác hòa lưới điện quốc gia ngày 17/4/2012 và đã tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 10/5/2012.
- Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư số 13101000007 cấp cho Công ty CP Thủy điện Bắc Kạn (tiền thân là Công ty CP Năng lượng Nậm Cắt) như sau: Thuế suất đang áp dụng 10%, áp dụng trong vòng 15 năm, kể từ ngày đi vào hoạt động (năm 2012). Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2015. Giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.
- Các ưu đãi khác:
Được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu để tái tạo tài sản cố định.
Được miễn thuế nhập khẩu đối với vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được. Được miễn thuế sử dụng đất.
Được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, được hỗ trợ sau đầu tư, được vay vốn tín dụng của chính phủ, được bảo lãnh tín dụng đầu tư.

v) Nhà máy Thủy điện Hủa Na

- Địa điểm: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (PV Power HHC).
- Tổng công suất: 180MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại (năm 2013), trong đó quy định giá bán bình quân cho cả đời dự án. Hủa Na hiện đang đàm phán lại giá điện theo vốn đầu tư quyết toán với sản lượng điện bình quân hàng năm dự kiến đạt khoảng 716,6 triệu kWh. Vận hành thương mại chính thức từ tháng 3/2013.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Dự án nằm trong quy hoạch điện quốc gia (Quy hoạch Điện VII), hưởng cơ chế 797/400. Theo luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, sửa đổi bổ sung số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, trong đó miễn thuế 04 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2013) và giảm 50% thuế suất trong 09 năm tiếp theo (từ 2017).
- Các ưu đãi khác: được ưu đãi về tiền thuê đất và bù trừ vào tiền giải phóng mặt bằng của dự án, ưu đãi tiền thuê mặt nước.

vi) Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh

- Địa điểm: xã Sơn Tân – huyện Sơn Tây- tỉnh Quảng Ngãi. Đây là dự án điện có công suất lớn nhất trong quy hoạch bậc thang thủy điện sông Trà Khúc.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh.
- Tổng công suất: 125MW.
- Nhà máy được thiết kế với 2 tổ máy và trạm phân phối 110kV, có nhiệm vụ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng hàng năm dự kiến 540,9 triệu kWh, đồng thời làm tăng lưu lượng cấp nước về mùa khô cho vùng hạ du và cất lũ cho hạ lưu về mùa lũ, đặc biệt sẽ tạo nguồn nước ngọt phục vụ cho khu kinh tế Dung Quất.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại chính thức. Hợp đồng có hiệu lực từ 01/5/2014.
- Vận hành thương mại chính thức: tháng 6/2014.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:
Thuế suất hiện đang áp dụng 10%. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm 2014. Giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo
- Ưu đãi khác: miễn giảm tiền thuê đất và thuê mặt nước, khấu trừ tiền thuê đất vào chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án, được ưu đãi thuế nhập khẩu, được ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư.

vii) Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

- Địa điểm: thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
- Công nghệ: Sử dụng công nghệ đốt than phun trực tiếp tiên tiến, hiệu suất cao, đáp ứng tốt yêu cầu về bảo vệ môi trường, hàng năm khi đi vào vận hành nhà máy sẽ cung cấp cho hệ thống khoảng 7,2tỉ kWh, góp phần đáp ứng nhu cầu của phụ tải của khu vực nói riêng và hệ thống điện quốc gia nói chung. Đây là một trong những nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất tại Việt Nam và là một trong số ít các dự án nhiệt điện than đã đạt mức nội địa hóa đạt khoảng 30% đối với thiết kế, chế tạo, vật tư thiết bị trong nước, trong đó có gói thầu có tỷ lệ nội địa hóa lên đến 55% do các đơn vị trong nước sản xuất. Than cho nhà máy là than nội địa và than cám 5 với lượng tiêu thụ dự kiến 2,9 triệu tấn/năm.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện với EVN thời hạn 10 năm kể từ thời điểm

vận hành thương mại.

- Doanh thu hàng năm của nhà máy dự kiến khoảng từ 7.000 – 8.000 tỉ đồng, góp phần vào tổng doanh thu của Tập đoàn và ngân sách. Nguồn vốn đầu tư gồm vốn chủ sở hữu của PVN và vốn vay có tỷ lệ 30/70.

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng 10%/năm trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2017). Giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Ưu đãi khác: giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người lao động có thu nhập cao thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và nước ngoài), miễn tiền thuê đất 15 năm, miễn tiền thuê đất và sử dụng đất để làm nhà cho người lao động, miễn thuế nhập khẩu trong 5 năm cho đối tượng phải nộp thuế kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm phải nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Doanh thu, lợi nhuận Tổng công ty qua các năm

a) *Doanh thu*

Doanh thu của PV Power đến từ các hoạt động sau: (i) doanh thu bán điện (ii) doanh thu cung cấp dịch vụ (iii) doanh thu bán hàng hóa (iv) doanh thu hợp đồng xây lắp/bất động sản. Doanh thu theo các mặt hoạt động của PV Power được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chi tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán điện	27.209.025	96,45%	28.861.091	97,14%	17.279.067	96,97%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	155.395	0,55%	42.644	0,14%	2.243	0,01%
3	Doanh thu bán hàng hóa	666.301	2,36%	797.798	2,69%	519.292	2,91%
4	Doanh thu hợp đồng xây lắp/BDS	181.050	0,64%	8.519	0,03%	18.596	0,10%

STT	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng cộng	28.211.77 1	100,00 %	29.710.05 2	100,00 %	17.819.197	100,00 %

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Bảng: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán điện	18.209.78 1	99,79%	20.900.20 2	99,97%	12.650.495	99,99%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.212	0,21%	5.614	0,03%	1.734	0,01%
	Tổng cộng	18.247.99 3	100,00 %	20.905.81 6	100,00 %	12.652.229	100,00%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Tổng doanh thu hợp nhất của PV Power tăng từ 28.211 tỷ đồng năm 2016 lên 29.710 tỷ đồng năm 2017 với mức tăng 5% chủ yếu là do tăng doanh thu bán điện (hoạt động kinh doanh chính của PV Power). Tỷ trọng doanh thu từ sản xuất kinh doanh điện trong tổng doanh thu năm 2016 là 96% (tương ứng với 27.209 tỷ đồng) tăng nhẹ lên 97% năm 2017 (tương ứng với 28.861 tỷ đồng) và giữ ở mức 97% trong 6 tháng đầu năm 2018 (tương ứng 17.280 tỷ đồng). Lượng điện sản xuất của PV Power chủ yếu đến từ nhiệt điện và chỉ một phần nhỏ đến từ thủy điện. Năm (05) nhà máy điện đóng góp phần lớn doanh thu của PV Power là Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy điện Vũng Áng 1. Các doanh thu còn lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ, bán hàng hóa và hợp đồng xây lắp/bất động sản chiếm tỷ trọng nhỏ (dưới 3%) chủ yếu là hoạt động của các công ty con và công ty liên kết.

Doanh thu Công ty mẹ Tổng công ty đóng góp từ 65%-70% tổng doanh thu hợp nhất, trong đó doanh thu bán điện cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 99% trong tổng doanh thu công ty mẹ. Các nhà máy điện Cà Mau 1, Cà Mau 2, Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1 là chi nhánh trực thuộc

của Công ty mẹ PV Power nên đây là lý do xét trong cơ cấu tổng doanh thu hợp nhất đóng góp của Công ty mẹ vẫn chiếm đa số.

Doanh thu từ bán điện của Tổng công ty chịu ảnh hưởng rất lớn bởi hai yếu tố là sản lượng điện bán và giá bán điện. Sản lượng điện sản xuất hàng năm phần lớn vẫn được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng mua bán điện. Còn giá bán điện phụ thuộc tương đối nhiều vào chi phí nhiên liệu đầu vào (nhiên liệu khí đối với các nhà máy nhiệt điện khí và nhiên liệu than đối với các nhà máy nhiệt điện than).

b) Lợi nhuận gộp

Bảng: Cơ cấu lợi nhuận gộp PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
1	Bán điện	3.637.646	12,89%	4.896.684	16,48%	2.446.533	13,73%
2	Cung cấp dịch vụ	109.394	0,39%	12.337	0,04%	1.494	0,01%
3	Bán hàng hóa	12.366	0,04%	13.474	0,05%	811	0,00%
4	Xây lắp/BDS	23.154	0,08%	169	0,00%	5.581	0,03%
	Tổng cộng	3.782.560	13,41%	4.922.664	16,57%	2.454.420	13,77%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Ghi chú: Tổng lợi nhuận gộp trong bảng trên đã tính ảnh hưởng của các khoản giảm trừ doanh thu 2016 là 10 triệu đồng.

Bảng: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
1	Bán điện	1.817.053	9,96%	2.775.027	13,27%	1.481.196	11,71%

ST T	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
2	Cung cấp dịch vụ	18.856	0,10%	4.462	0,02%	1.343	0,01%
	Tổng cộng	1.835.910	10,06%	2.779.489	13,30%	1.482.539	11,72%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Năm 2017, lợi nhuận gộp hợp nhất của PV Power là 4.923 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2016 (3.782 tỷ đồng) chủ yếu là do tăng 1.259 tỷ đồng doanh thu bán điện, đây cũng là hoạt động có tỷ suất lợi nhuận gộp cao nhất trong các hoạt động của Tổng công ty.

Lợi nhuận gộp bán điện của toàn Tổng công ty năm là hơn 3.600 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp là 12,89%, trong đó lợi nhuận gộp bán điện từ Công ty mẹ là hơn 1.800 tỷ đồng, chiếm 50% tổng lợi nhuận gộp của toàn công ty. Năm 2017, lợi nhuận gộp từ bán điện của Tổng công ty hợp nhất là 4.897 tỷ đồng tăng 34% so với năm 2016 (3.638 tỷ đồng), đồng thời tỷ suất lợi nhuận gộp từ bán điện tăng lên 16,48% so với năm 2016 (12,89%). Nguyên nhân chủ yếu là do tăng doanh thu từ bán điện vì giá vốn hai năm 2016 và 2017 tăng không đáng kể (tăng 358 tỷ đồng).

Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2018 của toàn Tổng công ty đạt 2.454 tỷ đồng, trong đó 99,68% là lợi nhuận gộp từ bán điện với tỷ suất lợi nhuận gộp cao 13,73%.

c) Cơ cấu tổng doanh thu

Bảng: Cơ cấu tổng doanh thu của PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.211.760	98,33%	29.710.052	98,56%	17.819.197	98,60%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	458.804	1,60%	413.926	1,37%	237.256	1,31%
3	Thu nhập khác	21.393	0,07%	19.840	0,07%	15.172	0,08%
	Tổng cộng	28.691.957	100%	30.143.818	100%	18.071.626	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Bảng: Cơ cấu tổng doanh thu của Công ty mẹ PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.247.994	95,81%	20.905.816	96,61%	12.652.229	91,20%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	786.455	4,13%	704.458	3,26%	1.209.940	8,72%
3	Thu nhập khác	11.460	0,06%	29.084	0,13%	10.831	0,08%
	Tổng cộng	19.045.909	100,00%	21.639.358	100,00%	13.873.000	100,00%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Trong cơ cấu tổng doanh thu của PV Power hợp nhất và công ty mẹ, doanh thu đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn, từ 95% - 99% trên tổng doanh thu. Doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ, từ dưới 1% đến 4% và thu nhập khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

5.2. Nguyên vật liệu

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất điện của PV Power là khí và than.

Về nguyên liệu khí

Nhiên liệu chính cho các nhà máy điện khí của PV Power, bao gồm Điện Cà Mau, Điện Nhơn Trạch 1, Điện Nhơn Trạch 2 là khí thiên nhiên, được cung cấp bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas) thông qua hệ thống đường ống dẫn khí từ mỏ khí ngoài biển đến nhà máy chế biến khí trước khi đến trực tiếp nhà máy điện.

Thời gian vừa qua, do hạ tầng khai thác, vận chuyển khí đã đi vào vận hành trong nhiều năm nên hay xảy ra hỏng hóc, sự cố, đặc biệt là hệ thống cấp khí cho nhà máy điện Cà Mau. Dự kiến từ năm 2020, sẽ nhập khẩu khí từ Malaysia qua hệ thống đường ống hiện hữu để bổ sung nguồn khí thiếu hụt ở Tây Nam Bộ.

Về nguyên liệu than

Than cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 2,7 triệu tấn/năm +/-10%, loại than cám 5a theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8910:2015 được lấy từ các mỏ tại tỉnh Quảng Ninh, vận chuyển tối đa bằng đường biển đến cảng nhập than của nhà máy. Ngoài ra than còn có thể được vận chuyển bằng đường bộ. Từ khi vận hành nhà máy cho đến nay, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng Sản Việt Nam là đơn vị được giao nhiệm vụ cấp than cho nhà máy điện Vũng Áng 1.

Về nguyên liệu dầu

Đối với Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: Dầu HFO là nhiên liệu được sử dụng khi khởi động nhà máy hoặc khi nhà máy hoạt động ở tải thấp (dưới 30% chỉ đốt dầu, từ 30-60% thì đốt kèm than, dầu). Hàng năm, theo dự kiến thì Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 14.000 tấn dầu FO 2B.

Đối với nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1: trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn và có yêu cầu huy động từ EVN, dầu Diesel sẽ được sử dụng làm nhiên liệu thay thế.

Nguồn nguyên vật liệu của PV Power chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố sau:

- Sự biến động giá dầu trên thế giới
- Chính sách giá than của cơ quan quản lý nhà nước
- Ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng...)
- Biến động của tỷ giá ngoại tệ

Các biến động của nguồn nguyên vật liệu đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD, doanh thu và lợi nhuận của PV Power.

5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power bao gồm: (i) chi phí giá vốn hàng bán (ii) chi phí tài chính (iii) chi phí bán hàng (iv) chi phí quản lý doanh nghiệp và (v) chi phí khác. Cơ cấu chi phí hoạt động của PV Power được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng: Cơ cấu chi phí SXKD của PV Power hợp nhất
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Chi phí giá vốn hàng bán	24.429.210	86,59%	24.787.388	83,43%	15.364.778	86,23%
2	Chi phí tài chính	1.798.363	6,37%	1.806.020	6,08%	892.924	5,01%
3	Chi phí bán hàng	17.072	0,06%	16.218	0,05%	9.476	0,05%
4	Chi phí QLDN	738.774	2,62%	799.216	2,69%	407.734	2,29%
5	Chi phí khác	27.497	0,10%	23.819	0,08%	8.548	0,05%
	Tổng cộng	27.010.916	95,74%	27.432.661	92,33%	16.683.460	93,63%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Bảng: Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty mẹ PV Power
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Chi phí giá vốn hàng bán	16.412.084	89,94%	18.126.327	86,70%	11.169.690	88,28%
2	Chi phí tài chính	1.135.966	6,23%	945.791	4,52%	570.880	4,51%
3	Chi phí bán hàng	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
4	Chi phí QLDN	445.582	2,44%	505.210	2,42%	251.569	1,99%
5	Chi phí khác	18.014	0,10%	4.579	0,02%	7.256	0,06%
	Tổng cộng	18.011.646	98,71%	19.581.907	93,66%	11.999.395	94,84%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của Tổng công ty (trên 80% tổng chi phí hợp nhất của PV Power), tiếp theo là chi phí tài chính (chiếm tỷ trọng từ 5%-6% trong tổng chi phí hợp nhất), các chi phí còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ.

5.4. Trình độ công nghệ

PV Power thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đầu năm 2015, Tổng công ty đã tiếp nhận quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (công suất 2x600 MW) với công nghệ hiện đại, có công suất tổ máy lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Tất cả các nhà máy điện PV Power đang quản lý vận hành đều sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất vào thời điểm lắp đặt, thân thiện với môi trường. Là đơn vị đi đầu trong cả nước về lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, lực lượng cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện đang từng bước trưởng thành, làm chủ công nghệ, vận hành hiệu quả thiết bị máy móc hiện đại, dần dần thay thế nhà thầu nước ngoài trong sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và đã chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của PV Power.

5.5. Công tác Nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ Khoa học – Công nghệ, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

a) Trình độ công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ

Trong các năm qua, PV Power đã có nhiều hoạt động về nghiên cứu và ứng dụng Khoa học-Công nghệ, bao gồm: Liên kết, hợp tác với các Hội, đơn vị chuyên ngành điện như Hội Điện lực, Hội Năng lượng, Viện Dầu khí; Biên soạn các quy trình, quy chuẩn, trao đổi, học hỏi nâng cao khả năng trong công tác cố vấn, phản biện và thực hiện nghiên cứu khoa học; Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện về Khoa học công nghệ với Viện Dầu khí Việt Nam, Hội Điện lực Việt Nam; Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành điện tổ chức các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm.

Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật (gọi chung là KHCN, SK) đã luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Đồng thời, PV Power cũng có các chỉ thị kêu gọi phát huy sáng kiến, áp dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất kinh doanh. Do đó, hầu hết người sử dụng lao động và người lao động trong toàn Tổng công ty đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác KHCN, SK trong

tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện và quản lý hợp lý, hiệu quả.

Bộ máy quản lý công tác KHCN, SK được tổ chức theo hệ thống thống nhất từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ và Hội đồng Sáng kiến các cấp với vai trò, nhiệm vụ cụ thể tương ứng từng cấp.

Trong công tác KHCN, PV Power đã tự thực hiện cũng như phối hợp với các đơn vị trong/ngoài ngành để thực hiện và phân biện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Một số đề tài nghiên cứu khoa học có ý nghĩa trực tiếp phục vụ công việc hiện tại như:

- Nghiên cứu mô hình đào tạo lực lượng quản lý kỹ thuật, vận hành các nhà máy nhiệt điện than của Tổng công ty.
- Xây dựng quy tắc chuẩn hóa mã cơ sở dữ liệu thông tin kỹ thuật vật tư nhà máy điện.
- Tính toán kiểm tra khả năng giải tỏa công suất của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng giai đoạn 2015-2016.

Tập trung cho công tác tiếp nhận và quản lý vận hành, PV Power đã nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu năng sản xuất của các nhà máy như: Giám sát độ rung máy phát; Giám sát vận hành từ xa; Công nghệ phun sương nâng công suất; Sử dụng lọc HEPA thay cho lọc lọc F7; Nghiên cứu và thực hiện thay mới vật tư đường khí nóng loại mới MXL 2 cho nhà máy điện Nhơn Trạch 1 nhằm đạt mục tiêu tăng hiệu suất dẫn đến việc sử dụng nhiên liệu ít hơn, giảm lượng khí thải CO₂, tăng hiệu suất tuabin và tăng đời sống nhà máy; Áp dụng triệt để các giải pháp kỹ thuật hiện đại, xây dựng quy trình tin cậy đối với công tác O&M các Nhà máy điện; Làm chủ hoàn toàn công tác vận hành và một phần công tác sửa chữa các Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp.

Đến nay, PV Power đã có hàng trăm sáng kiến cấp cơ sở và 84 sáng kiến cấp Tổng công ty, đóng góp một phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cũng như trong công cuộc thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Nổi bật trong đó là sáng kiến “Hệ thống chống tạo bọt trước bơm làm mát”. Một số sáng kiến có số tiền làm lợi lên đến 20 tỷ đồng như:

- Sáng kiến “Vệ sinh vòi đốt tuabin khí V94.3A bằng sóng siêu âm kết hợp với hóa chất” của tập thể cán bộ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.

- Sáng kiến tận dụng điều kiện địa chất tối đa “Bỏ bê tông áo hầm dẫn dòng thi công” của tập thể cán bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Bên cạnh đó, PV Power cũng triển khai các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, giám sát vận hành, sửa chữa để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác:

- Nâng cấp hệ thống Điều khiển phân tán (DCS) cho nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1
- Phần mềm quản lý nhân sự cho toàn bộ Công ty mẹ - Tổng công ty (bao gồm các Chi nhánh) để phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị nguồn nhân sự của Tổng Công ty: phân tích, thống kê chính xác, kịp thời về chế độ chính sách, lương, thưởng, trình độ nhân sự để ra quyết định thực hiện các chính sách nhân sự và xây dựng được bản đồ nhân lực, chuyên gia kỹ thuật cao trong Tổng Công ty.
- Tăng cường khai thác, áp dụng phần mềm quản trị tài chính kế toán (SAP) để quản lý hiệu quả nguồn lực tài chính: dự báo phải thu phải chi chính xác, quản lý hiệu quả dòng tiền, phân tích quản trị chi phí sản xuất, hợp nhất kịp thời, chính xác số liệu báo cáo tài chính từ các đơn vị, quản lý cập nhật tình hình thu/chi ngân sách.
- Triển khai kết nối, tích hợp các phần mềm liên quan quản trị nguồn lực doanh nghiệp vào hệ thống quản trị chung các nguồn lực (ERP) để hỗ trợ đắc lực cho công tác điều hành, quản trị tổng hợp cả hệ thống sản xuất của Tổng công ty bao gồm nhân lực, tài chính, tài sản, cung ứng nguyên nhiên liệu vật tư và tối ưu sản xuất, tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Triển khai trang bị các công cụ, giải pháp phần mềm hỗ trợ cho công tác dự báo thị trường, tính toán tối ưu chào giá cho các nhà máy điện PV Power tham gia thị trường điện Bán buôn cạnh tranh.

Triển khai chương trình đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin đối phó với tình hình tội phạm mạng để đảm bảo an toàn cho hệ thống công nghệ thông tin quản lý của Tổng Công ty và vận hành tại các nhà máy điện.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

PV Power tập trung triển khai các chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh; đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia O&M Nhà máy điện; đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nhập khẩu, xây dựng và quản trị chuỗi cung ứng than; các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng công tác, tiếng Anh và các chương trình đào tạo kỹ thuật, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ tại Tổng Công ty theo

yêu cầu tiêu chuẩn chức danh công việc. Kết quả từ năm 2017 đến tháng 6/2018 đã triển khai đào tạo với tổng số 5.117 lượt người với tổng số kinh phí đạt 15.360 tỷ đồng.

Kế hoạch năm 2019: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại TCT, tập trung vào triển khai các chương trình đào tạo sau đại học; các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng công tác, tiếng Anh và các chương trình đào tạo kỹ thuật, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn cho các cán bộ nghiệp vụ tại Tổng công ty.

Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành cho các dự án Nhà máy điện đáp ứng được yêu cầu công việc góp phần vào việc tiếp nhận và quản lý vận hành các Nhà máy điện đảm bảo an toàn, hiệu quả. Từ năm 2012 đến năm 2017, PV Power đã tổ chức triển khai tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành, bảo dưỡng cho các dự án Nhà máy điện do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ Tổng công ty/ Đơn vị thành viên của Tổng công ty làm chủ đầu tư với tổng số 832 cán bộ công nhân viên.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nhà máy điện được lãnh đạo PV Power luôn quan tâm và chỉ đạo sát sao nhằm tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng có thể sử dụng kế thừa tại các dự án do PV Power quản lý vận hành. PV Power điều động cán bộ kỹ thuật nòng cốt tại các Nhà máy điện Cà Mau và Nhơn Trạch 1 để làm nòng cốt trong công tác đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy điện tại Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1...

Công tác đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia: Đã xây dựng và triển khai Đề án đào tạo chuyên sâu tiến tới công nhận chuyên gia lĩnh vực vận hành bảo dưỡng Nhà máy điện cho 50 cán bộ kỹ thuật nòng cốt; Đề án đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nhập khẩu, xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng than với số lượng 27 cán bộ.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện tại PV Power đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do tập đoàn BSI cấp chứng nhận.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hiện nay đang được áp dụng, quản lý và duy trì như sau:

- Ban chỉ đạo ISO thực hiện xây dựng, duy trì và phát triển Hệ thống.
- Tổng công ty tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ 2 lần/năm; Đơn vị cấp chứng nhận tổ chức

đánh giá giám sát 1 lần/năm để đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng và nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp (nếu có) để khắc phục, cải tiến Hệ thống cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- Dự kiến PV Power sẽ chuyển đổi tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong năm 2019.

5.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế bản quyền



Hiện tại, Tổng công ty đang sở hữu logo: chữ PETROVIETNAM, hình ngọn lửa và chữ POWER.

5.8. Các hợp đồng kinh tế lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Tình hình ký kết các Hợp đồng mua bán điện (PPA) như sau:

a) Nhà máy điện Cà Mau 1&2

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1 và Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 2 số 01/ĐLDKCM-EVN-2008 ký ngày 08/01/2008 giữa Tập đoàn Điện lực Việt nam và Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Cà Mau. Thời hạn: 20 năm kể từ ngày vận hành kinh doanh. Một phần sản lượng điện (khoảng 20MW) của Nhà máy điện Cà Mau 2 được dành để bán cho Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung:
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 27/3/2009;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 29/12/2009;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 01/4/2011;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 30/12/2011;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 ký ngày 06/02/2018.

b) Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

- Hợp đồng mua bán điện nhà máy Nhơn Trạch 1 Số 07/2012/ HĐ-NMĐ-NT1, ký ngày 09/7/2012. Hiệu lực từ ngày 01/5/2012 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.
- Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung:
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 29/5/2012;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 18/4/2014;

- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 09/1/2014;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 11/12/2015;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 ký ngày 31/12/2015;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06 ký ngày 19/11/2016;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07 ký ngày 27/12/2016;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 ký ngày 15/05/2018.

c) Nhà máy điện Vũng Áng 1

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Vũng Áng 1 số 02/2016/HĐ-NMĐ-VA1, ký ngày 17/8/2016. Hợp đồng có hiệu lực từ 0h00 ngày 01/01/2016 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất

Bảng: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất PV Power

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	69.732	60.583	-13,1%	64.006
2	Vốn chủ sở hữu	26.797	27.724	3,5%	27.240
3	Doanh thu thuần	28.212	29.710	5,3%	17.819
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.702	2.737	60,9%	1.400
5	Lợi nhuận khác	(6)	(4)	-	7
6	Lợi nhuận trước thuế	1.696	2.734	61,2%	1.407
7	Lợi nhuận sau thuế	1.517	2.602	71,5%	1.287
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	0%	0%		0%
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	5,66%	9,38%	65,7%	4,72%

Nguồn: PV Power

(*) Do Tổng công ty đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa nên vẫn áp dụng các quy định về quản lý tài chính của DNNN, vì vậy phân phối lợi nhuận không có mục chia cổ tức.

Bảng: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ PV Power

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm	Quý II/2018
1	Tổng giá trị tài sản	48.590	42.788	-11,9%	47.145
2	Vốn chủ sở hữu	22.741	23.358	2,7%	24.112
3	Doanh thu thuần	18.248	20.906	14,6%	12.652
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.041	2.033	95,3%	1.870
5	Lợi nhuận khác	(6,55)	25	-	4
6	Lợi nhuận trước thuế	1.034	2.057	98,9%	1.874
7	Lợi nhuận sau thuế	939	1.969	109,7%	1.780
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	0%	0%	-	0%
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	4,12%	8,42%	104,4%	7,38%

(*) Do Tổng công ty đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa nên vẫn áp dụng các quy định về quản lý tài chính của DNNN, vì vậy phân phối lợi nhuận không có mục chia cổ tức.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

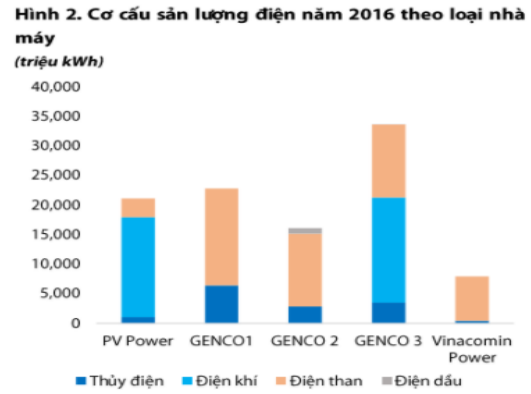
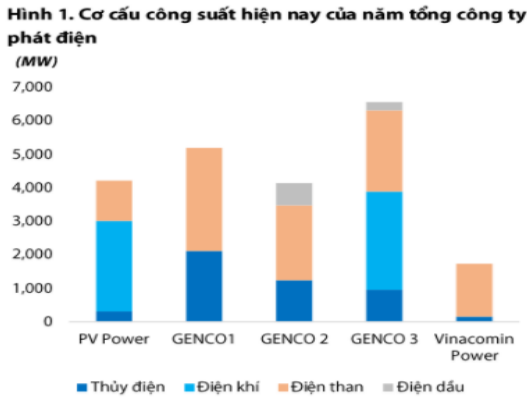
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Qua 11 năm xây dựng và phát triển, bằng sự lao động, sáng tạo miệt mài của tập thể người lao động, đến nay PV Power đã trở thành nhà cung cấp điện năng lớn thứ hai tại Việt Nam. Sự bổ sung các nguồn điện liên tục, ổn định với chất lượng cao từ các nhà máy nhiệt điện khí, thủy điện và nhiệt điện than của PV Power là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa lớn trong việc cung ứng đảm bảo ổn định điện cho toàn hệ thống lưới điện quốc gia. Đặc biệt trong các mùa khô liên tục các năm, sự có mặt lần lượt của các Nhà máy Nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 (năm 2007, 2008); Nhơn Trạch 1 (năm 2008); Nhơn Trạch 2 (năm 2011); Nhà máy Phong điện Phú Quý (năm 2012); các Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt (năm 2012); Hòa Na (năm 2013); Đakđrinh (năm 2014) và Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (năm 2015), đã khẳng định vị thế và vai trò của PV Power trong ngành điện Việt Nam. Với công suất lắp đặt 4.208,2 MW, bằng khoảng 9,4% công suất đặt cả nước (xấp xỉ 45.000 MW)¹, PV Power cung cấp cho quốc gia sản lượng điện ổn định khoảng 21 tỷ kWh/năm, bằng khoảng 11-13% sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống.

¹ <https://www.evn.com.vn/d6/news/Van-hanh-he-thong-dien-nam-2018-Co-du-dien-dap-ung-nhu-cau-su-dung-6-12-21197.aspx>

Tổng quan về năng lực hoạt động của PV Power như sau:

Công suất lắp đặt và cơ cấu nguồn điện:



Nguồn: Rongviet Research, dữ liệu tại ngày 20/12/2017²

- Tổng công suất lắp đặt của PV Power đạt 4.208,2MW, chiếm 9,4% trong tổng số 45.000MW công suất toàn hệ thống điện Việt Nam. PV Power hiện có quy mô công suất đứng thứ 3 trong số 5 doanh nghiệp lớn cùng ngành, gồm: Tổng công ty Phát điện 1, 2, 3 (GENCO 1, 2, 3) và Vinacomin Power.

- Xét về cơ cấu nguồn điện, PV Power đã thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đặc biệt, nếu đem so sánh với các Tổng công ty phát điện lớn cùng ngành, chỉ có PV Power và GENCO 3 đang sở hữu các nhà máy nhiệt điện khí với quy mô tương đồng (PV Power: 2.700 MW và GENCO 3: 2.929MW).

Bảng 25: Sản lượng điện sản xuất của PV Power so với cả nước

Đơn vị: triệu kWh

Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017	Quý I/2018
PV Power	16.177	16.054	21.470	21.131	20.582	5.721
Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	124.454	140.237	157.600	176.990	197.810 ³	48.960 ⁴
PV Power so với toàn hệ thống	13,0%	11,4%	13,6%	11,9%	10,4%	11,7%

Nguồn: PV Power + Petrotimes + EVN

² <https://dautucophieu.net/so-sanh-co-cau-nguon-dien-cua-pv-power-so-voi-cac-tong-cong-ty-phat-dien-khac/>

³ Tạm ước tính theo công bố của EVN: <http://petrotimes.vn/san-luong-dien-toan-he-thong-dat-hon-181-ty-kwh-501079.html>

⁴ Số liệu theo công bố của EVN: <http://www.baohaiquan.vn/Pages/EVN-san-xuat-va-nhap-khau-gan-49-ty-Kwh-dien-trong-quy-I.aspx>

Về sản lượng điện sản xuất, từ năm 2015 đến nay, hàng năm PV Power sản xuất được trên dưới 21 tỷ kWh điện, đáp ứng 11%-13% nhu cầu phụ tải cả nước. Hết quý II/2018, sản lượng điện được cung cấp bởi PV Power ổn định so với mọi năm ở mức gần 12 tỷ kWh (11,797 tỷ kWh).

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và kỳ vọng tiếp tục phát triển. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng, từ 101,5 tỷ kWh (năm 2011) lên khoảng 157,6 tỷ kWh (vào năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,6%/năm, công suất đặt tăng từ 24.744 MW (năm 2011) lên đến 38.800 MW (năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,9%/năm.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016-2030. Với mức tăng trưởng GDP 7,0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235-245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352-379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506-559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265-278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400-431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572-632 tỷ kWh.

Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016-2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021-2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người.

Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững, loại bỏ dần thế độc quyền của EVN trong khâu phát điện và khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân tham gia để tạo ra một thị trường điện cạnh tranh thực sự. Nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành,

quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành.

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyên ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị xã hội của đất nước.

Điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của PV Power với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Theo sát sự điều chỉnh về quy hoạch điện, PV Power đã từng bước thể hiện sự đúng đắn trong định hướng phát triển và hoạt động phù hợp với định hướng của ngành và chính sách nhà nước.

a. Về hoạt động đầu tư

Việc sở hữu các nhà máy đã hoàn thành và phát điện ổn định hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới của PV Power. Trong thời gian tới, PV Power có kế hoạch đầu tư 2 dự án nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, đồng thời cung cấp dịch vụ quản lý & vận hành cho 10 dự án điện do PVN làm chủ đầu tư với tổng công suất của 12 dự án là 10.350MW, dự kiến đi vào vận hành từ 2021 đến 2025, sẽ mang lại cơ hội tăng trưởng tốt cho PV Power sau giai đoạn 2025.

b. Về hoạt động sản xuất điện

Hiện tại PV Power có các nhà máy điện sử dụng tuabin khí với tổng công suất lắp đặt 2.700MW, nhiệt điện than với tổng công suất lắp đặt 1.200MW và thủy điện với tổng công suất lắp đặt 308,2MW. Tổng công suất lắp đặt của PV Power chiếm khoảng 9,4% tổng công suất đặt của toàn hệ thống, trong đó phần lớn công suất phát điện của PV Power thuộc các nhà máy tại khu vực phía Nam là khu vực có nhu cầu phụ tải điện rất lớn và công suất phát còn thiếu hụt. Do đó, các nhà máy của PV Power tại khu vực này được huy động phát điện ở tần suất rất cao và chế độ phát ổn định.

Trong tương lai, cùng với sự thiếu hụt nguồn phát khu vực phía Nam, các nhà máy điện của PV Power vẫn sẽ chiếm lợi thế về khả năng được huy động ở mức cao.

c. Về hoạt động trong thị trường điện

Theo lộ trình thị trường điện do Chính phủ phê duyệt: thị trường điện Việt Nam đi qua các cấp độ sau:

Cấp độ 1: Thị trường phát điện cạnh tranh (VCGM: Vietnam Competitive Generation Market): đang thực hiện.

Đối với PV Power, thuận lợi từ việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ những ngày đầu đã giúp Tổng công ty thu được nhiều kinh nghiệm, từng bước nâng cao mức độ am hiểu thị trường và năng lực của đội ngũ cán bộ phụ trách công tác thị trường điện đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty. Hiện tại, PV Power đang có 05 nhà máy tham gia thị trường điện (gồm: Nhà máy Nhiệt điện khí Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2; Nhà máy thủy điện Hòa Na, Đakđrinh và Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1), việc chào giá và tham gia thị trường phát điện cạnh tranh hiệu quả là một bước chuẩn bị tốt cho việc bước sang các giai đoạn tiếp theo của thị trường điện.

Cấp độ 2: Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWCM: Vietnam Wholesale Competitive Market)

- Thí điểm từ 2016-2018
- Hoàn chỉnh (dự kiến) từ 2019-2021.

Công tác vận hành VWEM thí điểm đã được Bộ Công thương phối hợp với các đơn vị triển khai từ năm 2016 và thực hiện qua 02 giai đoạn: giai đoạn 2016, 2017 thí điểm các cơ chế theo thiết kế và thực hiện mô phỏng tính toán thanh toán trên giấy, giai đoạn năm 2018 thí điểm các cơ chế và thực hiện tính toán thanh toán thật cho 02 nhà máy điện Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 4 thuộc Genco 3.

Năm 2019, dự kiến tiếp tục phân bổ hợp đồng của 02 nhà máy điện Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 4 cho 5 Tổng Công ty điện lực. Các nhà máy điện mới bao gồm: Thái Bình 1, Vĩnh Tân 4, Duyên Hải 3 MR và Vĩnh Tân 4 MR sẽ đàm phán đồng thời với 05 TCTĐL để thống nhất giá hợp đồng và sản lượng hợp đồng tổng của nhà máy điện mới. Mỗi nhà máy ký 05 hợp đồng với 05 TCTĐL.

Cấp độ 3: Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh (VCRM: Vietnam Competitive Retail Market)

- Thí điểm từ 2021-2023,
- Hoàn chỉnh từ 2023.

Đến thời điểm đó, sẽ có các phương án thích hợp.

8. Chính sách với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam hiện có 1.206 người. Đội ngũ cán bộ nhân viên phát triển song song với quy mô ngày càng mở rộng của Tổng công ty, trong đó trên 69% lao động có trình độ đại học và trên đại học; đội ngũ cán bộ, chuyên gia kỹ thuật của PV Power dù còn trẻ nhưng đã sớm làm chủ được công nghệ, vận hành thông suốt các nhà máy điện.

Cơ cấu lao động chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 6: Cơ cấu lao động tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần ngày 01/07/2018

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	1.206	100%
- Đại học và trên đại học	837	69,4%
- Cao đẳng	141	11,69%
- Trung cấp	21	1,74%
- Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông	207	17,16%
Theo hợp đồng lao động	1.206	100%
- Diện không phải ký hợp đồng lao động (người quản lý)	16	1,33%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	869	72,06%
- Hợp đồng có thời hạn từ đủ 1 năm đến 3 năm	318	26,37%
- Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	3	0,25%
Theo giới tính	1.206	100%
- Nam	972	80,6%
- Nữ	234	19,4%
Lao động nghỉ việc	0	0%

Nguồn: PV Power

8.2. Chính sách đối với người lao động

8.2.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của mỗi CBCNV không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc,

8.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ quản lý các cấp đương nhiệm và cán bộ quy hoạch các kiến thức quản lý doanh nghiệp toàn diện (xây dựng chiến lược, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, thương mại quốc tế...) để lực lượng này có trình độ, năng lực tổ chức và chỉ đạo điều hành thực hiện hiệu quả các kế hoạch sản xuất kinh doanh, có tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và thích ứng với những thay đổi;

Thường xuyên tổ chức các chương trình trong nước và ngoài nước để đào tạo kỹ sư tài năng, chuyên gia kỹ thuật với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiểu biết rộng về lý thuyết cơ sở và sâu về kiến thức chuyên môn, nắm bắt công nghệ mới, có kỹ năng phân tích, chẩn đoán, suy xét để giải quyết các tình huống phức tạp. Chú trọng đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực mũi nhọn như quản lý hệ thống điện, tự động hóa và công nghệ thông tin...

Đổi mới hình thức đào tạo: chú trọng đào tạo lại, đào tạo nâng cao đối với lực lượng lao động trực tiếp quản lý kỹ thuật - vận hành về nghiệp vụ và chuyên môn bằng các chương trình đào tạo phù hợp, thiết thực, hiệu quả trong khuôn khổ kinh phí đào tạo hàng năm của đơn vị. Tổ chức thường xuyên các buổi bồi huấn chuyên môn, nghiệp vụ, truyền đạt kinh nghiệm vận hành thực tiễn cho các công nhân, kỹ sư tại các phân xưởng, tổ đội sản xuất. Tổ chức thường xuyên sát hạch trình độ, kỹ năng cho lực lượng vận hành để đảm bảo đủ năng lực thực hiện công việc theo quy trình, quy phạm.

8.2.3. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách tiền lương theo vị trí chức danh công việc, gắn với thành tích công tác, kinh nghiệm, năng lực của từng người lao động đóng góp cho Công ty. Cơ chế trả lương, thưởng minh bạch, rõ ràng, phản ánh đúng trách nhiệm và mức độ phức tạp

công việc, gắn với hiệu quả năng suất và chất lượng thực hiện công việc, có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với lực lượng lao động chất lượng cao để thu hút và xây dựng được đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ trương của Ban điều hành, Công ty đều tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định trả lương kịp thời để tiền lương thực sự là đòn bẩy tăng năng suất lao động, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức tăng lương hàng năm dựa vào thành tích của nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty. Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc theo hiệu quả, năng suất và chất lượng trên cơ sở đưa vào áp dụng hệ thống bảng điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) và hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất (Key Performance Indicator - KPI);

Áp dụng cơ chế tiền lương đối với người quản lý gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận...), năng suất lao động của đơn vị;

Chính sách khen thưởng: hàng năm Công ty có chế độ thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động theo kết quả SXKD hàng quý/06 tháng và thưởng cuối năm.

Thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động được áp dụng cho CBCNV khi hoàn thành hoặc vượt năng suất trong từng giai đoạn khác nhau với các mức thưởng khác nhau và được điều chỉnh theo từng thời điểm.

Thưởng hàng năm được căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, người sử dụng lao động thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty theo phòng ban/vị trí cụ thể.

Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể. Luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số hỗ trợ khác như sinh con, hiếu hỉ, sinh nhật, ..., mức hỗ trợ được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với tình hình thực tế.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh; trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện AT-BHLĐ cho người lao động.

8.2.4. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 là 25,8 triệu đồng/người/tháng.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
- Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

Tổng công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01/7/2018 do đó chưa thực hiện chi trả cổ tức lần nào.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 5

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của PV Power

- Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 25
Quyền sử dụng đất	4

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 của PV Power

10.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Tổng Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Tổng Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

10.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

10.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ theo quy định đã được duy trì phù hợp với Điều lệ và pháp luật áp dụng.

10.1.5 Tổng dư nợ vay

Bảng: Tổng Nợ phải trả hợp nhất PV Power

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	30/06/2018
Nợ ngắn hạn	13.868.304	20.134.232
Phải trả người bán ngắn hạn	5.041.088	6.722.257
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.332	7.272
Thuế và các khoản nộp Nhà nước	150.588	263.388
Phải trả người lao động	201.112	74.325
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.380.403	1.985.248
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	98	629
Phải trả ngắn hạn khác	331.953	1.244.071
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.098.503	8.836.796
Dự phòng phải trả ngắn hạn	482.860	822.883
Quỹ khen thưởng phúc lợi	174.367	177.364

Chỉ tiêu	31/12/2017	30/06/2018
Nợ dài hạn	18.991.165	16.631.746
Phải trả dài hạn khác	636	766
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18.778.557	16.289.414
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.933	-
Dự phòng phải trả dài hạn	33.841	170.834
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	171.199	170.732
Tổng cộng	32.859.469	36.765.979

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power

Bảng: Tổng Nợ phải trả của Công ty mẹ PV Power

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	30/06/2018
Nợ ngắn hạn	7.685.906	12.970.610
Phải trả người bán ngắn hạn	2.170.887	3.255.050
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.162	1.710
Thuế và các khoản nộp Nhà nước	10.525	75.371
Phải trả người lao động	139.774	32.089
Chi phí phải trả ngắn hạn	376.852	894.059
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Phải trả ngắn hạn khác	294.798	680.217
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.056.955	7.061.811
Dự phòng phải trả ngắn hạn	482.492	822.516
Quỹ khen thưởng phúc lợi	151.462	147.786
Nợ dài hạn	11.744.143	10.062.299
Phải trả dài hạn khác	18,5	18,5
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.604.831	9.791.010
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Dự phòng phải trả dài hạn	10.560	142.537
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	128.733	128.733
Tổng cộng	19.430.048	23.032.909

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power.

10.1.6 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng: Các khoản phải thu của PV Power hợp nhất
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	30/06/2018
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.743.875	9.493.754
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.507.249	9.500.449
Trả trước cho người bán ngắn hạn	118.597	127.323
Phải thu ngắn hạn khác	338.832	112.292
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.906)	(246.309)

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power

Bảng: Các khoản phải thu của Công ty mẹ PV Power
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	30/06/2018
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.519.402	7.400.356
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.163.360	6.500.654
Trả trước cho người bán ngắn hạn	42.794	61.439
Phải thu ngắn hạn khác	322.154	847.270
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.906)	(9.007)

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và BCTC Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2018 (trước soát xét) của PV Power

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng công ty hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	6 tháng đầu năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	0,99	0,96
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,84	0,74	0,77
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	62%	54%	57%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	160%	119%	135%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,93	7,21	4,16
- Doanh thu thuần/Tổng TSbq	Lần	0,40	0,46	0,28

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	6 tháng đầu năm 2018
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,38%	8,76%	7,22%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,71%	9,54%	4,62%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,15%	3,99%	2,02%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/DTT	%	6,03%	9,21%	7,86%

Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2018 (trước soát xét) của PV Power

11. Tài sản

Tình hình tài sản của PV Power hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2017:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	69.203.053	43.925.689	63,47%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	17.923.984	14.227.383	79,38%
2	Máy móc thiết bị	48.717.285	27.636.830	56,73%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	315.595	82.786	26,23%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	121.028	30.783	25,43%
5	TSCĐ hữu hình khác	2.125.161	1.947.907	91,66%
II	TSCĐ vô hình	95.072	65.528	68,92%
1	Phần mềm máy vi tính	39.252	10.438	26,59%
2	Quyền sử dụng đất	55.820	55.090	98,69%
	Tổng cộng	69.298.125	43.991.217	63,48%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của PV Power

Tình hình tài sản của Công ty mẹ PV Power tính đến thời điểm 31/12/2017:
Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	46.925.680	28.754.267	61,28%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	6.327.193	4.867.058	76,92%
2	Máy móc thiết bị	38.175.523	21.882.321	57,32%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	217.947	43.976	20,18%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	79.855	13.005	16,29%
5	TSCĐ hữu hình khác	2.125.161	1.947.907	91,66%
II	TSCĐ vô hình	36.871	13.035	35,35%
1	Phần mềm máy vi tính	28.787	5.680	19,73%
2	Quyền sử dụng đất	8.084	7.355	90,98%
	Tổng cộng	46.962.551	28.767.302	61,26%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 của PV Power
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm tiếp theo

Kế hoạch sản lượng điện Công ty mẹ và các đơn vị thành viên

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018 ⁵	KH 2019 ⁶
1	Công ty mẹ PV Power	Triệu kWh	15.809,9	15.721,9
-	NMĐ Cà Mau 1&2	Triệu kWh	7.333,1	7.144,1
-	NMĐ Nhơn Trạch 1	Triệu kWh	2.811,7	2.900,0
-	NMĐ Vũng Áng 1	Triệu kWh	5.665,1	5.677,8
2	Các đơn vị thành viên	Triệu kWh	5.760,4	5.790,3
-	NMĐ Nhơn Trạch 2	Triệu kWh	4.600,0	4.600,0
-	NMĐ Hòa Na	Triệu kWh	635,7	650,6
-	NMĐ Đakđinh	Triệu kWh	510,0	525,0
-	NMĐ Nậm Cắt	Triệu kWh	14,7	14,7
	Tổng cộng	Triệu kWh	21.570,3	21.512,3

⁵ Căn cứ Nghị quyết số 3782/NQ-DKVN ngày 26/6/2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2018 của TCT.

⁶ Căn cứ Tờ trình số 250/TTr-ĐLĐK ngày 23/7/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam – CPTCP về việc thông qua Kế hoạch SXKD năm 2019 của PV Power.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với cả năm 2017	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2018
Tổng doanh thu	31.416	4%	32.606	4%
Lợi nhuận trước thuế	2.326	-15%	2.574	11%
Lợi nhuận sau thuế	2.114	-19%	2.288	8%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,77%		7,02%	4%

Nguồn: PV Power

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến Tổng công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với cả năm 2017	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng giảm so với năm 2018
Tổng doanh thu	22.495	4%	23.014	2%
Lợi nhuận trước thuế	2.068	1%	2.188	6%
Lợi nhuận sau thuế	1.903	-3%	1.947	2%
Vốn chủ sở hữu	24.172	3%	25.320	5%
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>23.419</i>	<i>8%</i>	<i>23.419</i>	<i>0%</i>
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,73%	-7%	8,61%	-1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,87%	-7%	7,69%	-2%
Cổ tức (%)	3%		6%	100%

Nguồn: PV Power

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên, PV Power tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

Về công tác tổ chức:

- Thực hiện chuyển đổi và quản lý, điều hành hoạt động Tổng công ty theo mô hình mới thành công và hiệu quả.

Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, Vinacomin, PVGas trong công tác vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện của PV Power, huy động tối đa công suất, đủ nguồn khí/than để sản xuất và đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Hòa Na, Nậm Cắt, Đakđrinh, Vũng Áng 1.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh. Đồng thời triển khai các bước công việc chuẩn bị điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Tổ chức thực hiện công tác trung tu các nhà máy điện Cà Mau 2, Vũng Áng 1; đại tu nhà máy điện Đakđrinh; tiểu tu các nhà máy điện Cà Mau 1, Nhơn Trạch 2, Hòa Na, Nậm Cắt trong năm 2018 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện trong năm 2019.
- Đảm bảo cung cấp than ổn định và liên tục cho NMD Vũng Áng 1. Thực hiện xử lý tro xỉ theo phương án được duyệt, đảm bảo vận hành an toàn và liên tục của NMD Vũng Áng 1.
- Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tiếp tục quản lý, giám sát và có các giải pháp hỗ trợ các đơn vị thành viên sản xuất kinh doanh hiệu quả, đặc biệt là Công ty CP Thủy Điện Hòa Na, Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn, Công ty CP Thủy điện Đakđrinh.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Hoàn thành công tác quyết toán vốn đầu tư dự án thủy điện Đakđrinh, giai đoạn II dự án thủy điện Hòa Na.
- Tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến dự án thủy điện Luang Prabang theo chỉ đạo của Chính phủ/Tập đoàn khi chưa hoàn thành công tác chuyển chủ đầu tư dự án.
- Hoàn thành phê duyệt Pre-FS, triển khai gói thầu lập FS và các gói thầu khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện khí Nhơn Trạch 3&4.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai công tác chuẩn bị sản xuất cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo phương án phù hợp và hiệu quả.

Về công tác cổ phần hóa, tái cấu trúc:

- Triển khai các công việc liên quan đến công tác cổ phần hóa Công ty mẹ PV Power: hoàn thiện công tác quyết toán cổ phần hóa, đã hoàn thành đăng ký kinh doanh mới cho công ty cổ phần.
- Tiếp tục hoàn thiện quy trình, quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với mô hình hoạt động công ty cổ phần.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc của PV Power, thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án được duyệt, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.

Công tác khác:

- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực, văn bản của Tập đoàn và mô hình tổ chức hoạt động.
- Quản lý tốt người đại diện của PV Power tại các đơn vị thành viên.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi.
- Trích lập và xây dựng kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2018 theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác được Tập đoàn giao.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty

Không có.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Quan điểm phát triển

Phát triển PV Power bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở:

- Lấy công nghiệp điện khí là hướng phát triển chủ đạo với lợi thế ngành để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khí;
- Chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, cung ứng than và các dịch vụ khác có liên quan nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh cho lĩnh vực kinh doanh chính;
- Tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực về môi trường sinh thái.

- **Mục tiêu phát triển**

- Xây dựng và phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, năng động và có năng lực cạnh tranh trong SXKD điện và cung cấp các sản phẩm dịch vụ liên quan, trong đó lấy sản xuất điện là trọng tâm hàng đầu.
- Chủ động tích cực đầu tư phát triển nhiệt điện khí trên cơ sở chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn khí thiên nhiên.
- Phát triển các lĩnh vực dịch vụ có liên quan để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện bao gồm: bảo trì bảo dưỡng, cung ứng than đảm bảo nguồn than cho các Nhà máy điện của ngành điện lực dầu khí... phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Phát huy tối đa nội lực, thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển các NMD của Tổng công ty. Tận dụng tối đa mọi nguồn lực, lựa chọn và đầu tư các NMD có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường để duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh dài hạn.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Hồ Công Kỳ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Điều hành
2	Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành
3	Vũ Huy An	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành
4	Nguyễn Hữu Quý	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành
5	Phạm Xuân Trường	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành

Lưu ý: PV Power mới chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần đại chúng vào tháng 6, 7/2018, do vậy số lượng thành viên hội đồng quản trị điều hành, không điều hành, độc lập chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng. PV Power xin cam kết sẽ xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất kiện toàn bộ máy lãnh đạo để đáp ứng yêu cầu của pháp luật.

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Hồ Công Kỳ**
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 27/06/1964
- CMND: 011149162, Ngày cấp: 27/12/2004, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: P 25.5 Tòa nhà CT3 - Vimeco, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ *Quá trình công tác:*

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/1986 - 11/1991	Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An	Nhân viên phòng Kế toán tài vụ; từ 3/1989 Phó phòng Kế toán tài vụ
12/1991 - 12/1992	Q.KTT Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An sau đổi thành Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An	Trưởng Phòng Kế toán tài vụ
01/1993 - 02/1994	Thanh tra tỉnh Nghệ An	Thanh tra viên
3/1994 - 8/1994	Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An	Cán bộ Bảo hiểm xã hội
9/1994 - 9/1998	Công ty Xi măng Nghệ An	Kế toán trưởng Ban QLDA, Kế toán trưởng công ty
10/1998 - 11/2000	Công ty Xi măng Nghệ An	Phó Giám đốc
12/2000 - 12/2001	Ban QLDA Khu liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Kế toán trưởng
01/2002 - 5/2006	Khu Liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình	Phó Giám đốc Ban QLDA
6/2006 - 02/2007	Vụ Kế hoạch Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao	Phó Vụ trưởng
3/2007 - 8/2007	Ban QL các DA Thủy điện, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
5/2007 - 9/2007	Công ty CP Thủy điện Hòa Na (kiêm nhiệm)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
9/2007 - 01/2008	Ban QL các Dự án Thủy điện	Tổng Giám đốc
02/2008 - 7/2008	Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí	Tổng Giám đốc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/2008 - 02/2009	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
3/2009 - 11/2010	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
11/2010 - 05/2013	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chánh Văn phòng
5/2013 - 12/2014	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch
01/2015 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Chủ tịch HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 701.258.777 cổ phần, chiếm 29,94% vốn điều lệ
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 701.205.677 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 53.100 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

1.2. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Hòa**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1972
- CMND 001072012245, Ngày cấp: 22/3/2017, Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 27A Sông Thao, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp.
- ❖ *Quá trình công tác:*

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1994 - 11/1999	Công ty Petechim – Petrovietnam	Nhân viên
12/1999 - 11/2000	Công ty chế biến và xuất khẩu đồ gỗ Hoàng Mộc	Giám đốc
11/2000 - 4/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí, PVN	Nhân viên
4/2001- 8/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí, PVN	Phó phòng Thương mại
8/2001- 6/2003	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí, PVN	Phụ trách phòng Thương mại
6/2003 - 3/2007	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí, PVN	Trưởng phòng Thương mại
3/2007 - 7/2007	Công ty TNHH chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí, PVN	Trưởng phòng Thương mại
7/2007 - 8/2007	Công ty TNHH chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí, PVN	Phó Tổng giám đốc
8/2007 - 11/2007	Tổng công ty Khí Việt Nam, PVN	Phó Tổng giám đốc
11/2007 - 02/2009	Tổng công ty Khí Việt Nam, PVN	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
02/2009 - 3/2009	Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN, PVN	Phó Tổng giám đốc
3/2009 - 6/2012	Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí, PVN	Giám đốc
6/2012 - 12/2013	Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư, PVN	Tổng giám đốc
12/2013 - 9/2014	Tổng công ty Dầu VN, Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư (PETEC), PVN	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu VN kiêm Tổng giám đốc PETEC
10/2014 - 10/2015	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP, PVN	Thành viên Hội đồng quản trị
10/2015 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 468.481.120 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 468.374.320 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 106.800 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

1.3. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Vũ Huy An**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/01/1959
- Số CMND (Hộ chiếu): 0111018183, Ngày cấp: 06 /12/2010, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Căn 06-07 D2 Chung cư Hòa Phát, Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1982 - 4/1990	Công ty Vật tư Tổng hợp Hà Nam Ninh	Cán bộ Kế toán – Bí thư Đoàn TNCS HCM
5/1990 - 8/1998	Công ty Vật tư Tổng hợp Hà Nam Ninh	Phó phòng Kế toán
8/1998 - 3/2001	Sở Tài chính Nam Định	Chuyên viên Phòng Ngân sách xã
3/2001 - 5/2003	Sở Tài chính Nam Định	Phó Phòng Ngân sách xã, Phó Phòng Đầu tư
6/2003 - 3/2007	Sở Tài chính Nam Định	Trưởng Phòng Đầu tư
4/2007 - 6/2008	Sở Tài chính Nam Định	Trưởng Phòng Quản lý ngân sách

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/2008 - 11/2008	Sở Tài chính Nam Định	Phó Giám đốc
12/2008 - 5/2009	Công ty cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
6/2009 - 9/2013	Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí VN	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
10/2013 - 5/2015	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (tổ chức tài chính được hình thành trên cơ sở hợp nhất giữa PVFC và WESTERN BANK)	Thành viên HĐQT
6/2015 - 10/2015	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Thành viên HĐQT
10/2015 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Thành viên HĐQT
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 234.241.460 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 54.300 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

1.4. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Quý**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960
- Số CMND (Hộ chiếu): 010168518, Ngày cấp: 15/8/2005, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 16 Phố Hàng Cháo, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại thương, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Thạc sỹ thương mại quốc tế.

❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1985-5/1987	Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại)	Cán bộ Phòng Giá cả & Ngoại hối
5/1987-2/1990	Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại)	Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ
02/1990-5/1995	Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại)	Cán bộ, Phó trưởng phòng Thị trường
5/1995-3/2007	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Cán bộ Phòng Thương mại, Phó trưởng phòng Thị trường thuộc Ban Thương mại
3/2007-8/2008	Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị
5/2007-8/2008	Tổng công ty Thăm dò - Khai thác dầu khí	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)
8/2008-2/2009	Công ty TNHH 1TV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ Dầu khí.	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc
2/2009 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 234.191.860 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 4.700 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

1.5. Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Phạm Xuân Trường**
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 14/01/1963
- Số CMND (Hộ chiếu): 013290763, Ngày cấp: 29/5/2010, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Phòng 506, Nhà B5 Làng QT Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Điện, Thạc sỹ Kỹ thuật điện

❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1985-9/1985	Bộ tư lệnh Phòng không	Học viên sỹ quan dự bị
12/1985-12/1987	Chi nhánh điện Kim Môn – Sở Điện lực Hải Hưng	Cán bộ Kỹ thuật
01/1988-6/1992	Sở Điện lực Hải Hưng	Trưởng ca Điều độ, Phòng Điều độ- Thông tin
7/1992-12/1992	Sở Điện lực Hải Hưng	Phó phòng, phụ trách phòng Phòng Điều độ- Thông tin
01/1993-3/1997	Sở Điện lực Hải Hưng	Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin, Bí thư đoàn thanh niên
4/1997-7/1998	Điện lực Hưng Yên	Trưởng phòng kỹ thuật- An toàn, Đảng ủy viên, Bí thư Đoàn thanh niên
8/1998-10/2004	Điện lực Hưng Yên	Phó Giám đốc
11/2004-3/2008	Sở Công nghiệp Hưng Yên	Giám đốc
4/2008 - 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Thành viên HĐQT

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 234.210.260 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 234.187.160 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 23.100 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có

- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Quốc Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên ban Kiểm soát
3	Lý Thị Thu Hương	Thành viên ban Kiểm soát

2.1. Trưởng ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Vũ Quốc Hải**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/09/1966
- Số CMND (Hộ chiếu): 011223642, Ngày cấp: 08/9/2010, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 11 LK 7 đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1987 - 9/1992	Trường ĐH Thương mại	Giáo viên bộ môn kế toán
9/1992 - 8/1993	Làm nghĩa vụ quân sự - D5 – E165 – F312 Sóc sơn, Hà Nội	Học viên
02/1994 - 5/2002	Công ty Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ PetroVietnam, nay là TCT Dầu PV-Oil	Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán
5/2002 - 12/2007	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên (Phó trưởng ban Ban kiểm toán nội bộ từ tháng 2/2007)
01/2008 - 08/2010	Tổng công ty ĐLTK Việt Nam	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm kiểm soát viên phụ trách

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2010 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLKD Việt Nam	Kiểm soát viên phụ trách
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 2.900 cổ phần
 Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 Cổ phần cá nhân sở hữu: 2.900 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

2.2. Thành viên ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Vũ Thị Ngọc Dung**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1972
- Số CMND (Hộ chiếu): 011951053, Ngày cấp: 18/8/2011, Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 11 Ngõ 5 Vạn Phúc – Kim Mã – Ba Đình – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng. Chứng chỉ hành nghề kế toán.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1993 - 10/2000	Công ty VPP Cửu Long 1	Cán bộ Lao động tiền lương
11/2000 - 12/2004	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên kế toán
1/2005 - 4/2007	Công ty Tài chính Dầu khí	Phó phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ
4/2007 - 11/2009	Công ty Tài chính Dầu Khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí	Trưởng phòng/ Giám đốc Ban Kiểm tra kiểm soát Nội bộ

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2009 - 9/2013	Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí	Giám đốc ban/Trưởng ban Kế hoạch
10/2013 – 14/7/2014	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán
15/7/2014 - 4/2015	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán
5/2015 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Kiểm soát viên

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 25.200 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 25.200 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

2.3. Thành viên ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Lý Thị Thu Hương**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): 011830145, Ngày cấp: 04/01/2012, Nơi cấp: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 30, Số 6 ngách 2 ngõ 125 phố Trung Kính
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ Kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/2001 - 5/2005	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
6/2005 - 9/2006	Công ty Tài chính Dầu khí	Phó phòng Kế toán

10/2006 - 3/2008	Tổng công ty Tài chính Dầu khí	Kế toán trưởng
4/2008 - 5/2009	Tổng công ty Tài chính Dầu khí	Trưởng Ban Kiểm soát
6/2009 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Kiểm soát viên
26/6/2018 - nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Kiểm soát viên

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 15.700 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 15.700 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

3. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Hòa	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
7	Phan Đại Thành	Phó Tổng Giám đốc
8	Hà Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng

3.1. Tổng Giám đốc Nguyễn Xuân Hòa - xem mục 1.2 phần II

3.2. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Hoàng Văn Nghiệp**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/8/1959
- CMND: Số CMTND: 012888797 Ngày cấp: 23/06/2006

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Phòng 414 - CT5 Mỹ Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy điện
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982-1990	Tổng Công ty Sông Đà – Bộ Xây dựng	Chuyên viên Trung tâm thí nghiệm
1990-1997	Công ty Xây dựng Thủy điện Vĩnh Sơn – Tổng Công ty Sông Đà.	Phó Giám đốc Xí nghiệp thủy công
1997-1998	Công ty Sông Đà 3 – Tổng Công ty Sông Đà	Phó Giám đốc
1998-2006	Công ty Sông Đà 3 - Tổng Công ty Sông Đà	Giám đốc
2006-10/2007	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Chủ tịch Hội đồng quản trị
11/2007 -11/2008	Tổng Công ty Sông Đà	Phó phòng Tổ chức Đào tạo
11/2008 – 25/6/2018	Công ty TNHH ITV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 32.400 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 32.400 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

3.3. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Bích**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ: Khu đô thị Ciputra, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị, Thạc sĩ Kỹ thuật quy hoạch đô thị, Quản trị kinh doanh
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 - 2000	Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông	Chuyên viên
2000 - 2001	Công ty Tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ
2001 - 6/2005	Công ty tài chính Dầu khí	Chuyên viên Phòng Đầu tư
7/2005 - 12/2006	Công ty tài chính Dầu khí	Phó Phòng phụ trách Phòng Đầu tư
12/2006 - 07/2007	Công ty Tài chính Dầu khí	Trưởng Phòng Đầu tư
07/2007 - 09/2008	Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư.	Thành viên Ban trụ bị thành lập
09/2008 - 5/2009	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó chủ tịch
05/2009 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 41.705 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 41.705 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: 0
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: 0

3.4. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Duy Giang**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/07/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ: Phòng 610 nhà CT1B Khu Đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/1996-3/2001	Công ty xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
3/2001-10/2007	Công ty xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Kinh doanh,
10/2007-3/2009	Ban Quản lý các dự án Thủy điện, thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch
3/2009-10/2009	Công ty tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
10/2009 - 7/2014	Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch
7/2014-01/2015	Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
01/2015 - 11/2015	Tổng công ty ĐLDK Việt Nam Nhiệt điện Sông Hậu 1	Phó Tổng Giám đốc Phó Trưởng Ban QLDA
11/2010 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 22.000 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 22.000 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

3.5. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Tường**
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: 123, đường D3, phường 25, Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ kỹ thuật

❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1998 - 10/2000	Ban quản lý dự án khí, PV GAS	Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật
11/2000 - 9/2001	Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật
9/2001 – 3/2003	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Trưởng nhóm Cơ khí, Phòng kỹ thuật khí
6/2003 - 7/2006	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Phó trưởng phòng dự án khí
8/2006 - 10/2007	Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN	Phó trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng Phòng dự án Khí
10/2007 - 3/2009	PV GAS	Phó Giám đốc Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ
3/2009 – 5/2010	PVN	Phó Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ
5/2010 – 4/2012	Cty Điều Hành Đường ống Lô B – Ô Môn	Phó Giám đốc
10/2012 - 11/2015	PV GAS	Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng
12/2015 - 5/2017	PV GAS	Thành viên Hội đồng quản trị
6/2017 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 50.000 cổ phần
 Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 Cổ phần cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

3.6. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Phan Đại Thành**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/06/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Tầng 7, tòa R1A, Chung cư Royal City, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1993 - 10/1994	Công ty Công nghệ mới – Viện khoa học Việt Nam	Chuyên viên
10/1994 - 12/1996	Công ty liên doanh Thép Việt – Úc Hải Phòng	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
1/1997 - 8/2002	Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư
9/2002 - 6/2003	Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Phó trưởng Phòng Kế hoạch thống kê
7/2003 - 2/2005	Công ty xây lắp và dịch vụ kỹ thuật Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	Giám đốc
3/2005 - 10/2007	Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy điện nước số 3	Giám đốc
11/2007 - 4/2010	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Tổng Giám đốc
4/2010 - 5/2012	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Tổng Giám đốc
5/2012 – 10/2015	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Giám đốc
10/2015 – 5/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Trưởng ban Kỹ thuật
01/6/2018 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng Giám đốc
-------------------	---	-------------------

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.100 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.100 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

3.7. Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Minh Đạo**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/6/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ: Số 1, Ngõ 44 Võ Thị Sáu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí; Tiến sỹ Đường ống – Bể chứa
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/2000 – 6/2003	Ban Quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất	Kỹ sư
7/2003 – 12/2003	Phòng Công nghệ Mỏ, Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí (PIDC)	Kỹ sư
01/2004 – 10/2006	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
11/2006 – 02/2008	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban
3/2008 – 7/2008	Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí (PVTex)	Chủ tịch HĐQT
7/2008 – 14/7/2009	Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí (PVTex)	Tổng giám đốc
15/7/2009 – 02/2010	Ban Đầu tư Phát triển, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban

3/2010 – 3/2011	Ban Khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
4/2011 – 31/5/2018	Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban
01/6/2018 – 02/7/2018	Văn phòng HĐTV, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cán bộ
03/7/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Phó Tổng giám đốc

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 0
 Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0
 Cổ phần cá nhân sở hữu: 0
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

3.8. Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Hà Thị Minh Nguyệt**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1970
- CMTND: 001170012555 Ngày cấp: 28/12/2017
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi ở hiện nay: 30 Nguyễn Thị Định – Trung hòa – Cầu giấy – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/1992 – 05/2004	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Kế toán viên
05/2004 – 12/2005	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Phó phòng giao dịch 1
2006 – 12/2007	Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN	Phó phụ trách kế toán
01/2008 – 10/2008	Ban trụ bị thành lập ngân hàng Dầu khí	Kế toán trưởng

10/2008 – 09/2010	Tài chính Công đoàn Dầu khí VN	Trưởng ban
09/2010 – 25/6/2018	Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam	Kế toán trưởng
26/6/2018 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Kế toán trưởng

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 800 cổ phần
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 800 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Sau khi đăng ký giao dịch tập trung, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam sẽ tiếp tục áp dụng và tuân thủ các quy định về quản trị công ty đại chúng ban hành tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng của Chính phủ ngày 06/06/2017 và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

Tổng công ty đã xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế quy định theo hướng dẫn tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Các Quy chế và quy định nội bộ khác;

Điều lệ của Tổng công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/06/2018 đã phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và các thông tư và văn bản hướng dẫn.

Trong trường hợp, Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chưa tuân thủ quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP, PV Power xin cam kết sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông để kiện toàn trong thời gian tới.

Trong những năm tiếp theo, nhằm từng bước nâng cao và tăng cường hơn nữa hiệu quả của công tác quản trị, Tổng công ty sẽ liên tục rà soát hệ thống quy trình, quy định phù hợp với pháp luật và định hướng phát triển của PV Power.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN HÒA